TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ ĐỒNG XOÀI **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
TỈNH BÌNH PHƯỚC
Bản án số: 112/2021/HSST
Ngày:30/9/2021

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG XOÀI, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*Ông Võ Chất

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Được và ông Trần Sỹ Trinh

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Nga - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đồng Xoài.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Xoài tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trường Lưu - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đồng Xoài xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 117/2021/TLST-HS, ngày 01 tháng 9 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 132/2021/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 9 năm 2021đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1984, tại tỉnh B; Tên gọi khác: N; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:ấp 1, thị trấn T, huyện H, tỉnh B; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hóa (học vấn): 09/12; Dân tộc: Kinh;Giới tính: Nam;Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1924 (đã chết) và bà Dương Thị C, sinh năm 1948;Bị cáo có 01 người con sinh năm 2012; Tiềnán, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/5/2021cho đến nay; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại: Bà Vũ Thị Tuyết N, sinh năm 1972; Nơi cư trú: khu phố 3, phường T, thành phố Đ, tỉnh B(vắng mặt).

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1974; Nơi cư trú: khu phố 1, thị trấn T, huyện H, tỉnh B (vắng mặt).

Người làm chứng: Bà Hồ Thị H, sinh năm 1982; Nơi cư trú: khu phố 3, phường T, thành phố Đ, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 08 giờ ngày 28 tháng 5 năm 2021, Nguyễn Thị T đến nhà chị Vũ Thị Tuyết N mượn số tiền 6.000.000 (sáu triệu đồng), chị N đồng ý và lấy trong áo khoác 6.000.000 (sáu triệu) đồng đưa cho T và rũ T đến phụ chị N dọn dẹp nhà

mới ở khu phố 3, phường T, thành phố Đ thì T đồng ý. Sau đó T điều khiển xe mô tô biển số 93H2-8024 (xe T mượn của Nguyễn Thị S là chị gái ruột của T) đi gặp S và giao cho S số tiền 6.000.000 (sáu triệu) đồng rồi quay lại cùng với chị N đến nhà tại khu phố 3, phường T, thành phố Đ.

Tại đây, chị N dựng xe mô tô tại nhà chị Hồ Thị H là hàng xóm với chị N và treo áo khoác ở xe đi bộ sang nhà mới. Lúc này do T biết trước là trong túi áo khoác có tiền, quan sát không thấy người trông coi nên nảy sinh ý định trộm cắp tiền trong áo khoác, vì vậy, T đã lén lút đi đến lấy chiếc áo khoác, rồi điều khiển xe mô tô 93H2-8024 đi đến bãi đất trống gần khu Công nghiệp Đ I kiểm tra trong túi áo khoác thì đếm được số tiền 49.400.000 (bốn mươi chín triệu bốn trăm ngàn đồng)T vứt bỏ áo khoác và đi đến tiệm vàng "Kim Cương 1" thuộc xã T, thành phố Đ mua 09 chỉ vàng loại vàng 9999 hết số tiền 48.900.000 (bốn mươi tám triệu chín trăm ngàn) đồng còn lại 500.000 (năm trăm ngàn) đồng, rồi quay lại đem cất giấu 09 chỉ vàng ở bãi đất trống gần nhà chị Nvà tiếp tục làm việc. Chị N phát hiện tiền bị mất nên trình báo Công anphường T, đến khoảng 22 giờ cùng ngày T đến Công an phường T đầu thú.

Tại Kết luận định giá tài sản số 94/KLĐG ngày 24/6/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự thành phố Đ kết luận: 01 chiếc áo dài tay, màu xanh không rõ nhãn hiệu đã qua sử dụng giá: 20.000 *(Hai mươi ngàn đồng).*

Bản cáo trạng số 125/CT-VKS ngày 31 tháng8 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ, tỉnh B truy tố bị cáovề tội "*Trộm cắp tài sản"* theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ, tỉnh B vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38, 50 của Bộ luật hình sự:Xử phạt bị cáo từ 15 đến 18 tháng tù.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, ý kiến của kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dụng vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Đ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Vềhành vi phạm tội:Bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản các trang số: 125/CT-VKS ngày 31 tháng 8 năm 2021của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ, tỉnh B đã truy tố đối với bị cáo. Xét lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại; phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, phù hợp với thời gian, địa điểm thực hiện hành vi phạm tội, phù hợp biên bản tiếp nhận người phạm tội ra đầu thú, Kết luận định giá tài sản cùng toàn bộ các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở khẳng định: Do muốn có tiền tiêu xài, ngày 28 tháng 5 năm 2021 bị cáo T đã thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt số tiền 49.400.000 (Bốn mươi chín triệu bốn trăm ngàn đồng) và 01 chiếc áo khoác trị giá: 20.000 (hai mươi ngànđồng), tổng trị giá: 49.420.000 (Bốn mươi chín triệu bốn trăm hai mươi ngàn đồng) của chị Vũ Thị Tuyết N tại phường T, thành phố Đ, tỉnh Bnên hành vi của bị cáo đã phạm tội *"Trộm cắp tài sản"* theo quy định tại Điều 173 Bộ luật hình sự.

[3] Hành vi mà bị cáo thực hiện là hành vi nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản là khách thể quan trọng được pháp luật hình sự bảo vệ, gây mất trật tự an ninh tại địa phương, ảnh hưởng đến đời sống lành mạnh của cộng đồng dân cư, bị cáo là người thiếu ý thực chấp hành pháp luật, coi thường tài sản của người khác, chỉ vì muốn có tiền tiêu xài cá nhân mà bị cáo đã thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác với giá trị là 49.420.000 (bốn mươi chín triệu bốn trăm hai mươi ngàn đồng). Do đó, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ truy tố bị cáo về tội *"Trộm cắp tài sản"* theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng với điều khoản quy định của pháp luật.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; sau khi phạm tội bị cáo đã tự nguyện ra đầu thú; tài sản đã thu hồi trả lại cho người bị hại; bị cáo đã ly hôn chồng, hiện đang nuôi con nhỏ nên được Hội đồng xét xử xem xét khi lượng hình đối với bị cáo.

Về tình tiết tăng nặngtrách nhiệm hình sự: Không có.

[5] Đối với Nguyễn Thị S có hành vi cho bị cáo T mượn xe mô tô biển số 93H2-8024, nhưng không biết bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên không đặt ra vấn đề xử lý.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về vật chứng vụ án: 09 chỉ vàng và 500.000 đồng đã trả lại cho người bị hại; 01 xe mô tô 93H2-8024 đã trả lại cho người quản lý hợp pháp Nguyễn Thị S nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ tại phiên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[9] Án phí sơ thẩm: Bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

QUYẾT ĐỊNH;

1. Về tội danh:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị T phạm tội "*Trộm cắp tài sản"*.

2. Về hình phạt:

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38 và Điều 50 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T 09 (Chín) thángtù.Thời hạn tù tính từ ngày 29/5/2021.

3. Về án phí:

Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Bị cáo phải chịu 200.000đồng *(Hai trăm ngàn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Bị cáođược quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.Người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định pháp luật./.

<u>Nơi nhận</u>:
- *Tòa án nhân dântỉnh Bình Phước;*
- *VKSND Thành phố Đồng Xoài;*
- *VKSND tỉnh Bình Phước;*
- *Chi cục THADS Thành phố Đồng Xoài;*
- *Sở Tư pháp tỉnh Bình Phước.*
- *CA Thành phố Đồng Xoài;*
- *Phòng PV 06 Công an tỉnh BP;*
- *Người tham gia tố tụng;*
- *Lưu HS-VP.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Võ Chất